

PHỤ LỤC
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
ĐỐI VỚI CÁN BỘ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

Đơn vị tính: nghìn đồng

SƠ NỘI VỤ THẨM ĐỊNH THÔNG NHẤT TẠI CÔNG VĂN SỐ 71/CV-SNV NGÀY 08/7/2025																				SỐ TÀI CHÍNH THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ			
STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Thời điểm nghỉ hưu theo quy định	Số năm, tháng nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian đóng BHXH theo	Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ hưu)							Dự kiến kinh phí thực hiện							Lý do nghỉ		
							Tổng số	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng	Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm (từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm)	Trợ cấp 4 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho số năm từ năm thứ 16 trở đi có đóng BHXH bắt buộc (từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm)				Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/ND-CP	
	TỔNG CỘNG																			36.475.472,00		36.430.719,00	Giảm 44.753 triệu đồng	
I	VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH																					5.126.224		
1	Đoàn Văn Phi	UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	24/12/1966	01/07/2025	01/01/2029	3 năm 6 tháng	35 năm 7 tháng	6,92	1,05					1,993		23.312	979.115	407.964	93.249	244.779	1.725.107	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.725.107	
2	Lê Duy Thịnh	Chánh Văn phòng HĐND tỉnh	06/05/1967	01/07/2025	01/06/2029	3 năm 11 tháng	31 năm 6 tháng	6,2	0,9					1,775		20.768	976.073	415.350	83.070	171.332	1.645.824	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.645.824	
3	Trần Bảo Lâm	Phó Chánh Văn phòng HĐND tỉnh	14/08/1968	01/07/2025	01/09/2030	5 năm 2 tháng	31 năm 3 tháng	6,10	0,70					1,70		19.890	1.074.060	437.580	79.560	164.093	1.755.293	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.755.293	
II	VĂN PHÒNG TỈNH ỦY																						3.771.373	
4	Nguyễn Văn Dũng	Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	08/06/1967	01/07/2025	01/07/2029	4 năm 0 tháng	32 năm 6 tháng	5,08	0,9					1,495	1,794	21.689	1.041.094	433.789	86.758	189.783	1.751.424	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.751.424	
5	Cao Thái Định	Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy	30/01/1967	01/07/2025	01/02/2029	3 năm 7 tháng	36 năm 10 tháng	6,44	0,7					1,785	2,142	25.897	1.113.562	517.936	103.587	284.865	2.019.949	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2.019.949	
III	HỘI CHỦ THẬP ĐỎ																						3.666.164	
6	Cao Xuân Nam	Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ tỉnh	10/12/1967	01/07/2025	01/01/2030	4 năm 6 tháng	30 năm 3 tháng	4,98	0,7	0,299				1,495		17.488	944.352	393.480	69.952	135.532	1.543.316	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.543.316	
7	Dương Đình Diện	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ tỉnh	28/7/1969	01/07/2025	01/08/2031	6 năm 1 tháng	35 năm 11 tháng	6,78	0,9					1,92		22.464	1.213.056	584.064	89.856	235.872	2.122.848	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2.122.848	
IV	LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ																						2.068.209	
8	Nguyễn Thế Hùng	Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh	25/01/1965	01/07/2025	01/08/2026	1 năm 1 tháng	38 năm 7 tháng	5,76	0,90					1,665		19.481	253.246				253.246	Sắp xếp tổ chức bộ máy	253.246	
9	Nguyễn Mậu Phong	Phó Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh	15/12/1967	01/07/2025	01/01/2030	4 năm 6 tháng	36 năm 4 tháng	6,10	0,70					1,700		19.890	1.074.060	447.525	79.560	213.818	1.814.963	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.814.963	
V	HỘI NÔNG DÂN																						4.408.202	
10	Nguyễn Văn Trương	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh	23/08/1970	01/07/2025	01/09/2032	7 năm 2 tháng	27 năm 6 tháng	6,20	0,90					1,78	2,13	25.752	1.390.592	772.551	103.007	160.948	2.427.098	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2.427.098	
11	Lê Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh	13/10/1972	01/07/2025	01/07/2031	6 năm	29 năm 6 tháng	5,42	0,70					1,53	1,84	22.197	1.198.651	532.734	88.789	160.930	1.981.104	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.981.104	
VI	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH																						5.252.649	
12	Huỳnh Cao Nhất	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	29/11/1970	01/07/2025	01/12/2032	7 năm 5 tháng	31 năm 10 tháng	6,78	0,70	0,81				2,07	2,49	30.081	1.624.368	902.427	120.324	255.688	2.902.806	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2.902.806	
13	Đình Văn Lung	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	25/03/1970	01/07/2025	01/04/2032	6 năm 9 tháng	25 năm 6 tháng	6,20	0,90					1,78	2,13	25.752	1.390.592	721.048	103.007	135.196	2.349.843	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2.349.843	

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Thời điểm nghỉ hưu theo quy định	Số năm, tháng nghỉ hưu trước tuổi	Thời gian đóng BHXH theo	Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ hưu)							Dự kiến kinh phí thực hiện					Lý do nghỉ	SỐ TÀI CHÍNH THẨM ĐỊNH	GHI CHÚ	
							Tổng số	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đặc, biệt, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng	Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm (từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm)	Trợ cấp 4 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho số năm từ năm thứ 16 trở đi có đóng BHXH bắt buộc (từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm)				Tổng trợ cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP
IV	THANH TRA TỈNH																			-	4.919.969		
14	Nguyễn Xuân Sơn	Phó Chánh Thanh tra tỉnh	14/03/1965	01/07/2025	01/10/2026	1 năm 3 tháng	36 năm 7 tháng	6,78	0,70		2,39	1,50	1,87		30.981	464.710				464.710	Sắp xếp tổ chức bộ máy	464.710	
15	Nguyễn Quý Thọ	Phó Chánh Thanh tra tỉnh	03/03/1965	01/07/2025	01/10/2026	1 năm 3 tháng	40 năm 9 tháng	6,56	0,7		1,60	1,09	1,82		27.521	412.818				412.818	Sắp xếp tổ chức bộ máy	412.818	
16	Nguyễn Văn Thom	Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra tỉnh	02/06/1967	01/07/2025	01/07/2029	4 năm 0 tháng	34 năm 10 tháng	7,28	0,90		2,45	1,23	2,05		32.540	1.561.922	650.801	130.160	325.400	2.668.283	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2.668.283	
17	Nguyễn Phúc	Phó Chánh Thanh tra tỉnh	08/09/1965	01/07/2025	01/07/2027	2 năm 0 tháng	37 năm 6 tháng	6,44	0,7		1,57	1,43	1,79		27.902	669.641	279.017	111.607	313.894	1.374.158	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.374.158	
V	SỞ CÔNG THƯƠNG																			-	1.758.773		
18	Đào Thị Thu Nguyệt	Phó Giám đốc Sở	14/09/1973	01/07/2025	01/10/2032	7 năm 3 tháng	35 năm 6 tháng	5,42	0,7				1,53		17.901	966.654	608.634	89.505	138.733	1.803.526	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.758.773	Chênh lệch 44,753 triệu đồng do cách tính trợ cấp
VI	SỞ TÀI CHÍNH																			-	2.128.859		
19	Nguyễn Quảng Hà	Phó Giám đốc Sở	16/11/1971	01/07/2025	01/12/2033	8 năm 5 tháng	31 năm 1 tháng	6,56	0,7				1,82		21.236	1.146.717	722.007	106.178	153.957	2.128.859	Sắp xếp tổ chức bộ máy	2.128.859	
VII	SỞ TƯ PHÁP																			-	1.568.078		
20	Dương Văn Thành	Phó Giám đốc Sở	30/11/1970	01/07/2025	01/12/2032	7 năm 5 tháng	24 năm 2 tháng	5,08	0,7				1,45		16.907	912.951	507.195	67.626	80.306	1.568.078	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.568.078	
VIII HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT																				-	340.142		
21	Mai Văn Thìn	Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Bình Định	17/08/1965	01/07/2025	01/06/2027	1 năm 11 tháng	31 năm 3 tháng	5,42	0,90						14.789	340.142				340.142	Sắp xếp tổ chức bộ máy	340.142	
IX	BẢO VÀ PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH																			-	1.422.077		
22	Nguyễn Công Sơn	Nguyên Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Định	13/01/1969	01/07/2025	01/02/2031	5 năm 7 tháng	33 năm 6 tháng	5,76	0,90						15.584	841.558	374.026	62.338	144.156	1.422.077	Sắp xếp tổ chức bộ máy	1.422.077	

Tổng cộng: 22 người./.